

Số: 2063/QĐ-UBND

Trảng Bom, ngày 30 tháng 12 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với 17 trường hợp (Đợt 2) để thực hiện dự án Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (đoạn đi qua thị trấn Trảng Bom và xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom - nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRẢNG BOM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của chính phủ quy định giá đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh về việc Ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất, bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh về việc Ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất, bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về điều chỉnh, bổ sung



bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024; Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 ngày 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai, Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với Dự án Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom;

Căn cứ Văn bản số 88/UBND-KTNS ngày 03 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư công sau khi tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp tỉnh Đồng Nai được hình thành; Văn bản số 1346/SoNNMT-ĐĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường, v/v hướng dẫn áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật sau khi sát nhập tỉnh;

Thực hiện Văn bản số 2105/VB-HĐTĐGD ngày 03/10/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Trảng Bom về việc thẩm định Phương án giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (đoạn đi qua xã Sông Trầu và thị trấn Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai));

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 795/TTr-KT ngày 29 tháng 12 năm 2025,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với 17 trường hợp (Đợt 2) để thực hiện dự án Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (đoạn đi qua xã Sông Trầu và thị trấn Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai), bao gồm:

1. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với 17 trường hợp để thực hiện dự án Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (đoạn đi qua xã Sông Trầu và thị trấn Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai), cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng đất	Khu vực	Theo 86/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai		Giá đất định giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất
			Vị trí	Giá đất (đồng/m <sup>2</sup> )		
1	Đất ở	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Hùng Vương)	Vị trí 2	3.000.000	5.974.000	1,9914
2	CLN, BHK	Thị trấn Trảng Bom (cũ)	Vị trí 1	250.000	4.709.000	18,8353
3			Vị trí 2	220.000	4.144.000	18,8353
4			Vị trí 4	180.000	3.390.000	18,8353
5	Đất ở	Đường Hùng Vương đoạn qua xã Sông Trầu (cũ) (từ giáp ranh thị trấn Trảng Bom đến hết thửa đất số 40, tờ BĐDC số 49, xã Sông Trầu (cũ))	Vị trí 1	10.000.000	19.914.000	1,9914
6			Vị trí 2	3.800.000	7.567.000	1,9914
7	Đất ở	Đường Hùng Vương đoạn qua xã Sông Trầu (cũ) (từ giáp ranh thị trấn Trảng Bom đến hết thửa đất số 40, tờ BĐDC số 49, xã Sông Trầu (cũ))	Vị trí 4	1.700.000	3.385.000	1,9914
8	CLN, BHK, LUK	Đường nhóm 1 (xã Sông Trầu (cũ))	Vị trí 1	170.000	3.202.000	18,8353
9			Vị trí 2	150.000	2.825.000	18,8353
10			Vị trí 3	135.000	2.543.000	18,8353
11			Vị trí 4	120.000	2.260.000	18,8353
12	CLN, BHK, LUK	Đường còn lại (xã Sông Trầu (cũ))	Vị trí 1	160.000	3.014.000	18,8353
13			Vị trí 2	140.000	2.637.000	18,8353
14			Vị trí 4	100.000	1.884.000	18,8353

Đối với các thửa đất có 2 mặt tiền đường phố (hoặc đường giao thông chính) trở lên thì xác định giá theo đường có mức giá cao nhất và nhân với hệ số 1,1 theo điểm a, khoản 7, Điều 5, Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai

đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Phê duyệt Phương án số 389/PA-TTPTQĐ.TB ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom, Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với 17 trường hợp (Đợt 2) để thực hiện dự án Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (đoạn đi qua xã Sông Trầu và thị trấn Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai), bao gồm:

2.1. Tổng số trường hợp phê duyệt bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 17 trường hợp hộ gia đình, cá nhân và tổ chức (15 trường hợp hộ gia đình, cá nhân và 02 tổ chức).

2.2. Tổng số trường hợp bồi thường, hỗ trợ về đất: 17 trường hợp hộ gia đình, cá nhân và tổ chức với diện tích 3.580,0m<sup>2</sup> đất ở, đất nông nghiệp, trong đó: 1.531,2m<sup>2</sup> đất của hộ gia đình, cá nhân và 2.048,8m<sup>2</sup> đất của tổ chức.

2.3. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án (Đợt 2) là: **7.256.387.934 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỷ, hai trăm năm mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi bảy ngàn, chín trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó:

- Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của hộ gia đình, cá nhân và tổ chức là: **7.018.036.651 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỷ, không trăm mười tám triệu, không trăm ba mươi sáu ngàn, sáu trăm năm mươi một đồng), cụ thể:

+ Giá trị bồi thường về đất:	4.689.458.400 đồng.
+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà ở:	1.564.384.670 đồng.
+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc, tài sản:	140.072.818 đồng.
+ Giá trị bồi thường cây trồng:	184.119.963 đồng.
+ Giá trị chính sách hỗ trợ (hỗ trợ ổn định đời sống, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm):	232.000.800 đồng.
+ Thuởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn:	208.000.000 đồng.

- Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ (3,5%): 6.810.036.651 đồng x 3,5% = **238.351.283 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám triệu, ba trăm năm mươi một ngàn, hai trăm tám mươi ba đồng). Trong đó:

Kinh phí của UBND xã Trảng Bom là: 238.414.716 đồng x 15% = 238.351.283 đồng x 15% = **35.752.692 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi hai ngàn, sáu trăm chín mươi hai đồng).

(kèm theo Bảng tổng hợp)

2.4. Phương án bố trí tái định cư:

01 trường hợp (Hộ ông Nguyễn Hoàng Dũng Nhân) đủ điều kiện tái định cư theo quy định tại Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024; Điểm a Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; 16 trường hợp không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định tại Khoản 4,

Khoản 5, Khoản 6 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

*(Có danh sách kèm theo)*

2.5. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thực hiện theo Điều 87 của Luật Đất đai 2024.

3. Phê duyệt các Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (đoạn đi qua xã Sông Trầu và thị trấn Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai), gồm 17 Phương án số: 373, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 384, 386, 387, 388, 428/PA-TTPTQĐ.TB ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom *(Đính kèm phương án)*.

4. Các nội dung khác: Không có.

**Điều 2.** Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên liên quan:

1. Phòng Kinh tế xã Trảng Bom có trách nhiệm:

- Niêm yết Quyết định phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Đợt 2) tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định thu hồi đất đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi theo quy định.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom có trách nhiệm:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Đợt 2) tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt.

3. Chủ đầu tư Ban Quản lý dự án khu vực 3 có trách nhiệm:

Chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom để chi trả theo quyết định phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Thủ trưởng các Phòng, Ban: Kinh tế; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh Trảng Bom; Thuế cơ sở 6 Đồng Nai; Phòng giao dịch số 01, thuộc Kho bạc Nhà nước Khu vực XVII; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom; Giám đốc Ban Quản lý dự án khu vực 3 và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- Chánh, Phó Chánh VP. HĐND&UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

THUY

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Trung Tính**





ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TRẢNG BOM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (ĐỢT 2)**

Dự án: Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (đoạn đi qua thị trấn Trảng Bom và xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom - nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)

(Kèm theo Quyết định số: 2063/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom)

DVT: Đồng

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )					Diện tích đất không bồi thường (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất hỗ trợ (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc khác	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
			Nông nghiệp		Phi nông nghiệp		Đất chưa sử dụng									
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Hộ ông Nguyễn Hoàng Dũng Nhân	36,6				36,6				218.648.400	-	7.249.536			16.000.000	241.897.936
2	Ông Phan Thành Vân và bà Nguyễn Thị Hậu	89,5	89,5							370.888.000			22.255.286	34.935.000	16.000.000	444.078.286
3	Bà Đàm Thị Phương Yến	29,0	29,0							120.176.000		8.401.200	1.656.605	1.800.000	12.000.000	144.033.805
4	Bà Phạm Thị Huệ	10,5	10,5							43.512.000		6.972.800	2.775.252	8.865.000	8.000.000	70.125.052
5	Ông Nguyễn Văn Ân và bà Đỗ Thị Liên	23,0	23,0							95.312.000			12.595.309	16.590.000	12.000.000	136.497.309
6	Ông Nguyễn Hùng Sơn và bà Trần Thị Tuyết Nhung	62,0	62,0							256.928.000			24.529.006	25.860.000	16.000.000	323.317.006
7	Bà Đặng Thị Mận, ông Nguyễn Ngọc Thanh và bà Nguyễn Thị Hồng Tuyết đồng sử dụng	79,4	79,4							201.914.200				5.400.000	16.000.000	223.314.200
8	Ông Nguyễn Khắc Huy và bà Võ Thị Thanh Loan	109,9	109,9							279.475.700				3.600.000	16.000.000	299.075.700
9	Ông Nguyễn Tiến Hùng	48,5	48,5							109.610.000		3.108.000		1.800.000	12.000.000	126.518.000
10	Ông Nguyễn Đức Công và bà Nguyễn Thị Thu Thủy	29,1	29,1							74.001.300			3.037.745	7.200.000	8.000.000	92.239.045
11	Hộ bà Vũ Thị Thanh Thu	83,0	83,0							218.871.000		4.109.520	15.909.439	45.435.000	20.000.000	542.973.459
		90,5	90,5							238.648.500						
12	Ông Hà Văn Niệm và Bà Đỗ Thị Châu	156,8				156,8				530.768.000			71.061.962	13.455.000	20.000.000	691.239.762
		29,7	29,7							55.954.800						
13	Bà Trần Thị Anh (ông Nguyễn Quang Tuấn - đã chết)	117,1				117,1				396.383.500			720.909		16.000.000	413.104.409

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )				Diện tích đất không bồi thường (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất hỗ trợ (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc khác	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	
			Nông nghiệp		Phi nông nghiệp											
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở										
14	Bà Đỗ Thị Hiền	490,5	490,5					1.478.367.000	1.564.384.670	110.231.762	29.578.450	67.060.800	20.000.000	3.269.622.682		
15	Đất do UBND thị trấn Trảng Bom (nay là UBND xã Trảng Bom) quản lý theo Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh giao địa phương quản lý	824,5				824,5								0		
		350,7				350,7										
		205,8				205,8										
		469,4				469,4										
		110,6				110,6										
16	Hộ ông Nguyễn Văn Chiến (bà Nguyễn Thị Lan - đã chết) (sử dụng đất nằm trong Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh giao cho địa phương quản lý)	46,1				46,1								0		
17	Đất do UBND thị trấn Trảng Bom (nay là UBND xã Trảng Bom) quản lý	87,8				87,8								0		
<b>TỔNG</b>		<b>3.580,0</b>	<b>1.174,6</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>310,5</b>	<b>0,0</b>	<b>2.094,9</b>	<b>0,0</b>	<b>4.689.458.400</b>	<b>1.564.384.670</b>	<b>140.072.818</b>	<b>184.119.963</b>	<b>232.000.800</b>	<b>208.000.000</b>	<b>7.018.036.651</b>
<b>1. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân</b>														<b>7.018.036.651</b>		
<b>Trong đó: Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để tính mức trích kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (không bao gồm thưởng bàn giao mặt bằng)</b>														<b>6.810.036.651</b>		
<b>2. Chi phí đảm bảo cho việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ 3,5%</b>														<b>238.351.283</b>		
<b>Trong đó: Kinh phí của UBND xã Trảng Bom (15%)</b>														<b>35.752.692</b>		
<b>TỔNG CỘNG (1) + (2)</b>														<b>7.256.387.934</b>		

PHÒNG KINH TẾ  
TRƯỞNG PHÒNG

Vương Đình Hiếu

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trung Tính



**Danh sách các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện bố trí tái định cư  
tại dự án Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom**

(Kèm theo Quyết định số: 2063.../QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom)

STT	Họ và tên	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )				Diện tích đất ở còn lại (m <sup>2</sup> )	Xác nhận thông tin đất ở khác theo Văn bản số 2325/VPĐK.TB-TBT ngày 20/10/2025
					Tổng	Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất khác		
<b>I. Trường hợp đủ điều kiện bố trí tái định cư</b>										
1	Hộ ông Nguyễn Hoàng Dũng Nhân	27	39	133,3 (diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ là 105,5m <sup>2</sup> )		36,6 (đã trừ 22m <sup>2</sup> đất thuộc diện tích suất và 2,6m <sup>2</sup> đất do UBND xã quản lý)			65,5 (đã trừ phần diện tích đất do UBND xã quản lý)	Không ghi nhận thông tin về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn xã Trảng Bom.
<b>II. Các trường hợp không đủ điều kiện bố trí tái định cư</b>										
1	Ông Phan Thành Vân và bà Nguyễn Thị Hậu	28	57	1500,9	89,5			89,5		
2	Bà Đàm Thị Phương Yên	27	46	98,3	29			29		
3	Bà Phạm Thị Huệ	28	104	595,2	10,5			10,5		
4	Ông Nguyễn Văn Ân và bà Đỗ Thị Liên	28	105	684,4	23			23		
5	Ông Nguyễn Hùng Sơn và bà Trần Thị Tuyết Nhung	28	106	754,3	62			62		
6	Bà Đặng Thị Mận, ông Nguyễn Ngọc Thanh và bà Nguyễn Thị Hồng Tuyết đồng sử dụng	48	532	632,3	79,4			79,4		
7	Ông Nguyễn Khắc Huy và bà Võ Thị Thanh Loan	48	533	741,3	115,6			115,6		
8	Ông Nguyễn Tiến Hùng	48	534	487,8	48,5			48,5		

STT	Họ và tên	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )				Diện tích đất ở còn lại (m <sup>2</sup> )	Xác nhận thông tin đất ở khác theo Văn bản số 2325/VPĐK.TB-TBT ngày 20/10/2025
					Tổng	Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất khác		
9	Ông Nguyễn Đức Công Và bà Nguyễn Thị Thu Thủy	48	604	269,4	29,1		29,1			
10	Hộ bà Vũ Thị Thanh Thu	49	63	1273,6	83		83			
		49	111	1197,3	90,5		90,5			
11	Ông Hà Văn Niệm và Bà Đỗ Thị Châu	49	318	274,1	156,8	156,8		117,3		
		49	437	722,5	29,7		29,7			
12	Ông Nguyễn Quang Tuấn và Bà Trần Thị Anh	49	320	285,8	119,4	119,4		166,4	Còn đất ở khác tại thửa đất số 1292 tờ bản đồ số 123, xã Trảng Bom	
13	Bà Đỗ Thị Hiền	49	475 (85; 65)	2930,2	490,5		490,5			
14	Hộ ông Nguyễn Văn Chiến (bà Nguyễn Thị Lan - đã chết) (sử dụng đất nằm trong Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh giao cho địa phương quản lý)	28	42	468,1	46,1		46,1			
15	Đất do UBND thị trấn Trảng Bom (nay là UBND xã Trảng Bom) quản lý theo Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh giao địa phương quản lý									
16	Đất do UBND thị trấn Trảng Bom (nay là UBND xã Trảng Bom) quản lý									

PHÒNG KINH TẾ  
TRƯỞNG PHÒNG

  
Vương Đình Hiếu



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

  
Phan Trung Tính